

Số: 1019 /TCT-TNCN
V/v Giải đáp chính sách thuế.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Kính gửi: Cục Thuế Thành phố Hà Nội.

Trả lời công văn số 5738/CT-HTr ngày 09/02/2015 của Cục Thuế TP Hà Nội đề nghị giải đáp chính sách thuế, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại Điều 15 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 quy định:

“Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả lương, điều kiện làm việc, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.”

- Tại Điều 518 Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 quy định:

“Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên thuê dịch vụ, còn bên thuê dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ.”

- Tại khoản 9, Điều 3 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 quy định:

“Cung ứng dịch vụ là hoạt động thương mại, theo đó một bên (sau đây gọi là bên cung ứng dịch vụ) có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ cho một bên khác và nhận thanh toán; bên sử dụng dịch vụ (sau đây gọi là khác hàng) có nghĩa vụ thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ và sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận.”

- Tại khoản 1, Điều 6 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 quy định:

“Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh.”

- Tại khoản 1, Điều 13 Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hướng dẫn:

1. Thời điểm đăng ký hành nghề:

a) Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị cấp giấy phép hoạt động thì việc đăng ký hành nghề cho người hành nghề được thực hiện cùng thời điểm thực hiện việc đề nghị cấp giấy phép hoạt động;

b) Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động khi có thay đổi về nhân sự thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ký quyết định tuyển dụng hoặc ký kết hợp đồng lao động với người hành nghề hoặc sa thải người hành nghề hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với người hành nghề

hoặc người hành nghề có thông báo nghỉ việc, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm gửi danh sách người hành nghề mới tiếp nhận và danh sách người hành nghề không còn làm việc tại cơ sở của mình đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này.”

- Tại khoản 3, Điều 31 Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ có hiệu lực thu hành tại Việt Nam hướng dẫn:

“Khái niệm “chủ lao động” nêu tại Điểm 2.b) dùng để chỉ đối tượng sử dụng lao động thực sự. Thông thường, một đối tượng được coi là chủ lao động thực sự nếu có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Đối tượng đó có quyền đối với sản phẩm và dịch vụ do người lao động tạo ra và chịu trách nhiệm cũng như rủi ro đối với lao động đó;

b) Đối tượng đó đưa ra hướng dẫn và cung cấp phương tiện lao động cho người lao động;

c) Đối tượng đó có quyền kiểm soát và chịu trách nhiệm về địa điểm lao động.”

- Tại Điều 18 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân hướng dẫn:

“1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (×) với thuế suất 20%.

2. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định như đối với thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

Việc xác định thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công tại Việt Nam trong trường hợp cá nhân không cư trú làm việc đồng thời ở Việt Nam và nước ngoài nhưng không tách riêng được phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam thực hiện theo công thức sau:

a) Đối với trường hợp cá nhân người nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng thu} \\ \text{nhập phát} \\ \text{sinh tại} \\ \text{Việt Nam} \end{array} = \frac{\text{Số ngày làm việc cho} \\ \text{công việc tại Việt Nam}}{\text{Tổng số ngày làm việc} \\ \text{trong năm}} \times \begin{array}{l} \text{Thu nhập từ} \\ \text{tiền lương,} \\ \text{tiền công} \\ \text{toàn cầu} \\ \text{(trước thuế)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế khác} \\ \text{(trước thuế)} \\ \text{phát sinh tại} \\ \text{Việt Nam} \end{array}$$

Trong đó: Tổng số ngày làm việc trong năm được tính theo chế độ quy định tại Bộ Luật Lao động của Việt Nam.

b) Đối với các trường hợp cá nhân người nước ngoài hiện diện tại Việt Nam:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng thu} \\ \text{nhập phát} \\ \text{sinh tại} \\ \text{Việt Nam} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Số ngày có mặt} \\ \text{ở Việt Nam} \end{array}}{365 \text{ ngày}} \times \begin{array}{l} \text{Thu nhập từ} \\ \text{tiền lương, tiền} \\ \text{công toàn cầu} \\ \text{(trước thuế)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế khác (trước} \\ \text{thuế) phát sinh} \\ \text{tại Việt Nam} \end{array}$$

Thu nhập chịu thuế khác (trước thuế) phát sinh tại Việt Nam tại điểm a, b nêu trên là các khoản lợi ích khác bằng tiền hoặc không bằng tiền mà người lao động được hưởng ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả hoặc trả hộ cho người lao động.”

Căn cứ các hướng dẫn trên, trường hợp Công ty TNHH Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội ký Hợp đồng với các bác sỹ người nước ngoài để thực hiện việc khám chữa bệnh cho các bệnh nhân tại Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội hoặc tại một cơ sở khác được chỉ định bởi Bệnh viện. Theo Hợp đồng ký giữa Bệnh viện và các bác sỹ người nước ngoài quy định cơ chế trả lương theo tuần mà không căn cứ vào khối lượng dịch vụ khám chữa bệnh của các bác sỹ người nước ngoài. Bệnh viện chịu trách nhiệm rủi ro nghề nghiệp, cung cấp phương tiện lao động, kiểm soát và chịu trách nhiệm về địa điểm lao động cho các bác sỹ người nước ngoài. Mặt khác, các bác sỹ người nước ngoài không phải là cá nhân có đăng ký kinh doanh. Như vậy, khoản thu nhập mà các bác sỹ người nước ngoài nhận được từ Bệnh viện là khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công. Việc xác định nghĩa vụ thuế TNCN của cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công được thực hiện theo Điều 18 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế TP Hà Nội được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Pháp chế;
- Website TCT;
- Lưu VT, TNCN.☞

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ LỘ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Duy Minh
Nguyễn Duy Minh